

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 674/2023/HC-PT
Ngày 11 tháng 8 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

V/v “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán:

Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 275/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2023 “*Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, Quyết định giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 56/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 509/2023/QĐPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1950 (có mặt)

Địa chỉ: Số 118/103 đường Lê Trọng T, phường T, quận T, thành phố H.

- **Người bị kiện:**

1/ Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh Đ – Chức vụ: Quyền Chủ tịch UBND tỉnh Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(Văn bản số 8121/UBND-THNC ngày 10/8/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đ: Ông Huỳnh Trung D – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ. (vắng mặt)

2/ Chủ tịch UBND thành phố B;

3/ UBND thành phố B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Khôi N - Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố B và UBND thành phố B: Ông Nguyễn Xuân T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 7930/UBND-TCD ngày 02/6/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố B và UBND thành phố B: Ông Lê Hoàng Tuấn A – Chức vụ: Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường thành phố B (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

(Văn bản yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 7931/UBND-TCD ngày 02/6/2023)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Trung N, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tiến T: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1950; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 118/103 đường Lê Trọng T, phường T, quận T, thành phố H.

Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Bà Nguyễn Thị O là người khởi kiện đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Trung N, Nguyễn Thành T, Nguyễn Tiến T, trình bày:*

Vợ chồng bà là chủ sử dụng các thửa đất số 89, 144, 203 thuộc tờ bản đồ

số 09 (nay là tờ bản đồ số 72) xã P, TP. B có tổng diện tích 5.100m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 02/12/2017 bà nhận được Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 và Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND TP. B về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ do thu hồi diện tích đất 5.100m² tại xã P của bà. Ngày 12/01/2018 bà có đơn khiếu nại đối với các Quyết định trên.

Ngày 26/11/2018 Chủ tịch UBND TP. B ban hành Quyết định số 2677/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất trong khi chưa giải quyết khiếu nại của bà. Ngày 20/3/2019 bà tiếp tục khiếu nại Quyết định số 2677/QĐ-UBND.

Ngày 22/02/2019 bà được mời đối thoại với UBND TP B. Sau đó bà nhận được các Quyết định số 699/QĐ-UBND và 700/QĐ-UBND bác khiếu nại của bà, giữ nguyên các Quyết định thu hồi đất số 2458/QĐ-UBND, Quyết định bồi thường hỗ trợ, do thu hồi đất số 2646/QĐ-UBND, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2677/QĐ-UBND.

Ngày 20/3/2019, bà tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ. Ngày 04/6/2019 bà được mời đối thoại với UBND tỉnh Đ do ông Võ Văn Chánh, phó chủ tịch chủ trì.

Sau đó bà nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 không công nhận nội dung khiếu nại của bà.

Bà khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định hành chính gồm: Quyết định hành chính số 2458/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 về thu hồi đất, Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất của UBND TP. B, Quyết định giải quyết khiếu nại số 699/QĐ-UBND, 700/QĐ-UBND cùng ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND TP. B, Quyết định giải quyết khiếu nại số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Căn cứ khởi kiện:

- Dự án được thực hiện trên cơ sở Giấy phép quy hoạch số 12/GPQH ngày 19/3/2014 do bà Phan Thị Mỹ T, phó chủ tịch UBND tỉnh Đ ký. Giấy phép có trước quyết định của Hội đồng nhân dân, chưa được sự cho phép của Thủ tướng chính phủ, vi phạm luật đất đai năm 2013. Ranh giới Dự án không tồn tại trên bản đồ địa chính của phường P.

- Dự án không thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013. Giấy phép số 12/GPQH nêu rõ tính chất là khu dân cư thương mại, do công ty A bỏ vốn đầu tư, không sử dụng vốn Nhà nước.

** Người bị kiện UBND TP B, Chủ tịch UBND TP. B trình bày:*

- Về căn cứ pháp lý của dự án:

Ngày 12/7/2012, Hội đồng nhân dân tỉnh Đ thông qua Nghị quyết số 39/NQ-HĐND kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2011-2015 của tỉnh Đ (được chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 30/12/2012).

Ngày 27/5/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Văn bản số 794/TTg KTN về việc chấp thuận cho chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P.

Ngày 29/8/2014, UBND tỉnh Đ ban hành Văn bản số 8131/UBND-ĐT về việc thỏa thuận địa điểm cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng A đầu tư dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại xã P (nay là phường P), thành phố B; Sau đó đến ngày 09/9/2014, UBND tỉnh Đ ban hành Văn bản số 8449/UBND-ĐT về việc đánh chính vị trí thỏa thuận địa điểm dự án Khu dân cư của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng A;

Ngày 11/12/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh Đ đã thông qua Nghị quyết số 144/NQ-HĐND về dự án thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2015 của tỉnh Đ (trong đó có dự án khu dân cư theo quy hoạch tại phường P, quy mô dự án là 49,79ha).

Ngày 31/12/2014, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4265/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015 của UBND thành phố B;

Ngày 12/01/2016, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án đầu tư dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng A làm chủ đầu tư. Theo đó đất nông nghiệp vị trí 4 giá 110.000 đồng/m²

Ngày 07/7/2017, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ- Chi nhánh B ban hành Văn bản số 3557/CNBH-ĐKTK thể hiện: các thửa đất số 89, 144, 203 tờ bản đồ số 72 xã P do bà O sử dụng thuộc đất nông nghiệp vị trí 4.

- Về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của ông (bà) Nguyễn Thị O – Nguyễn Văn T:

Sau khi đã ban hành Thông báo thu hồi đất các thửa đất số 89, 144, 203 tờ bản đồ số 72 thuộc xã P để thực hiện dự án dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P (nay là phường P), kiểm đếm về đất đai, thống kê về nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất tại khu vực đất bị thu hồi, quy chủ nguồn gốc đất. Ngày 24/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị O - Nguyễn Văn T tại các thửa đất số 89, 144, 203 tờ bản đồ số 72 thuộc xã P để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P; Cùng ngày, UBND thành phố B cũng đã ban hành Quyết định số 2442/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây

dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P (đợt 3) - (ông Tuấn - bà O được phê duyệt tại Số thứ tự 16 trong Bảng tổng hợp kèm theo);

Ngày 07/11/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2646/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị O - Nguyễn Văn T để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại phường P với tổng số tiền là 641.850.000 đồng.

Ngày 14/3/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Văn T – Nguyễn Thị O do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P (nay là phường P) giá trị hỗ trợ là 617.760.000 đồng.

Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đ ký, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về thu hồi đất, Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị O - Nguyễn Văn T là đảm bảo đúng quy định.

- Đối với các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố B:

Bà Nguyễn Thị O khiếu nại các Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc thu hồi đất và Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất Quyết định cưỡng chế số 2677/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND thành phố B với các lý do đây là dự án kinh doanh nên không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, cưỡng chế; Giấy phép quy hoạch số 12/GPQH ngày 19/12/2014 đã hết hạn.

Sau khi Thanh tra Thành phố có báo cáo số 15/BC-TTr về kết quả xác minh đơn khiếu nại UBND thành phố B tổ chức họp đối thoại với bà O.

Do ông Tuấn, bà O không chấp hành ban giao đất nên Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2677/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 đối với bà Nguyễn Thị O là đúng quy định.

Các lý do khiếu nại không có căn cứ nên Chủ tịch UBND thành phố B ban hành các Quyết định số 699/QĐ-UBND, Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 06/03/2019 bác khiếu nại của bà Nguyễn Thị O là đảm bảo đúng quy định.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đ trình bày:*

Bà Nguyễn Thị O khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh với nội dung: không đồng ý Quyết định số 699/QĐ-UBND, Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 của UBND thành phố B về việc giải quyết lần đầu đơn khiếu nại của

bà O. Bà O cho rằng đây là dự án kinh doanh không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất, do đó chủ đầu tư phải thỏa thuận giá bồi thường với người dân.

Sau khi Thanh tra tỉnh có Báo cáo số 95/BC-TT ngày 23/5/2019 về kết quả thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại, UBND tỉnh đã tiến hành đối thoại với bà O.

Theo Báo cáo số 95/BC-TT thì Dự án khu dân cư và tái định cư tại xã P nằm trong Danh mục các dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đ thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất (mục tiêu tái định cư thu hồi theo quy định tại điểm c, mục tiêu khu dân cư thu hồi theo quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013). UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân trong dự án và ban hành Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà O để thực hiện dự án là đúng quy định.

Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B (trước đây là Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đ - Chi nhánh B) đã mời các hộ dân có đất thu hồi thuộc dự án đến tham dự cuộc họp về việc triển khai thực hiện dự án; qua đó để vận động, thuyết phục các hộ dân bàn giao đất cho chủ đầu tư để thực hiện dự án. Bà Nguyễn Thị O, ông Nguyễn Văn T đã nhận được giấy mời họp nhưng không đến tham dự cuộc họp.

Do hộ bà O, ông Tuấn không chấp hành việc bàn giao đất để triển khai thực hiện dự án, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà O, ông Tuấn để thực hiện dự án là đúng theo quy định pháp luật.

Căn cứ kết quả xác minh, căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013 thì Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc thu hồi đất, Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về việc bồi thường, hỗ trợ, Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 về cưỡng chế thu hồi đất được ban hành đúng pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 699/QĐ-UBND và Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 06/3/2019 giải quyết không công nhận các nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị O là đúng quy định.

Từ những căn cứ, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019, theo đó không công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 20/3/2019 của bà Nguyễn Thị O.

** Quan điểm tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đ:*

Dự án khu dân cư và tái định cư tại xã P nằm trong Danh mục các dự án cần thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đ thông qua tại Nghị quyết số

144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, căn cứ điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 thì dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất. UBND TP. B đã ban hành các Quyết định về thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất đối với bà O ông Tuấn đúng pháp luật. Bà O không thực hiện việc bàn giao mặt bằng nên Chủ tịch UBND TP. B cưỡng chế thu hồi đất là đúng quy định.

Do các Quyết định thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi được ban hành đúng pháp luật nên Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 bác khiếu nại của bà O giữ nguyên các Quyết định số 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND là có căn cứ.

Từ lập luận trên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh Đ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O.

Tại Bản án số 56/2022/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Áp dụng Điều 3, 115, 116, 157, 193 Luật tổ tụng hành chính 2015.

Căn cứ điểm c, d khoản 3 Điều 62, Điều 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 14, 15 Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2014, Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND và Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ

Căn cứ Điều 18, 21, 29, 30, 31, 33, 36, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

+ Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND TP. B về thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P

+ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND TP. B về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P

+ Các Quyết định giải quyết khiếu nại số 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND cùng ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND TP. B

+ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/9/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị O kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà O về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND thành phố B về thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P; Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND thành phố B về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P; Các Quyết định giải quyết khiếu nại số 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND cùng ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ, với các lý do: Giấy phép số 12 do bà Phan Thị Mỹ T ký ngày 19/3/2014 chưa đúng quy trình; Dự án này hoàn toàn là thương mại, phân lô bán nền, không có lợi ích quốc gia, an ninh quốc phòng; Văn bản số 8449 định chính địa điểm là ấp Đồng nhưng không trình bày trong Nghị quyết số 144 mà chỉ có trong Văn bản số 8131 trình cho Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn bản số 8131 ký sai quy trình, sai vị trí và có thể sai thẩm quyền phân công công việc trong Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định việc người bị kiện ban hành các quyết định là đúng quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị O kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới sơ với cấp sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị O, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng

cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị O, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ông Huỳnh Trung D được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt; Người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Ủy ban nhân dân thành phố B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Lê Hoàng Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 10/01/2020, bà Nguyễn Thị O nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính bao gồm Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 về thu hồi đất, Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND thành phố B về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất, Quyết định số 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND cùng ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố B và Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về giải quyết khiếu nại đối với bà O, là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 3, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Mặc dù bà O không yêu cầu khởi kiện đối với các Quyết định hành chính bao gồm Quyết định số 2442/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về phê duyệt kinh phí bồi thường, Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 về việc hỗ trợ cho hộ ông Tuấn bà O, Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố B về cưỡng chế thu hồi đất là các quyết định hành chính có liên quan cần được xem xét giải quyết trong vụ án theo quy định tại Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của các quyết định thu hồi, bồi thường đất

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Ngày 27/5/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Văn bản số 794/TTg KTN về việc chấp thuận cho chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện

dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P (nay là phường P) thành phố B, tỉnh Đ.

Ngày 11/12/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh Đ đã thông qua Nghị quyết số 144/NQ-HĐND về dự án thu hồi đất và dự án có sử dụng đất trồng lúa năm 2015 của tỉnh Đ (trong đó có Dự án Khu dân cư theo quy hoạch tại phường P, quy mô dự án là 49,79ha).

Ngày 12/01/2016, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P do Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng A làm chủ đầu tư. (Theo đó đất nông nghiệp vị trí 4 có giá là 110.000 đồng/m²)

Ngày 07/7/2017, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh B ban hành Văn bản số 3557/CNBH-ĐKTK thể hiện: các thửa đất số 89, 144, 203 tờ bản đồ số 72 xã P do bà O sử dụng thuộc đất nông nghiệp vị trí 4.

Ngày 24/10/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2458/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông (bà) Nguyễn Thị O - Nguyễn Văn T tại các thửa đất số 89, 144, 203 tờ bản đồ số 72 thuộc xã P để thực hiện Dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P; Cùng ngày, UBND thành phố B cũng đã ban hành Quyết định số 2442/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P (đợt 3) - *(ông Tuấn - bà O được phê duyệt tại Số thứ tự 16 trong Bảng tổng hợp kèm theo)*;

Ngày 07/11/2017, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2646/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Thị O - Nguyễn Văn T để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại phường P với tổng số tiền là 641.850.000 đồng, gồm: Bồi thường đất nông nghiệp vị trí 4: 561.000.000 đồng (đơn giá 110.000 đồng/m²); Bồi thường cây trồng: 68.850.000 đồng; Hỗ trợ: 12.000.000 đồng.

Ngày 14/3/2018, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 890/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Nguyễn Văn T – Nguyễn Thị O do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P (nay là phường P) giá trị hỗ trợ là 617.760.000 đồng, trong đó hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 612.000.000 đồng (đơn giá 120.000 đồng/m² tương đương 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại quy định tại khung giá đất giai đoạn 2015-2019); Hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất: 5.760.000 đồng.

Như vậy, UBND thành phố B ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất đối với ông (bà) Nguyễn Thị O - Nguyễn Văn T để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại phường P, là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013.

- Về nội dung

Căn cứ Văn bản số 794/TTg KTN ngày 27/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận cho chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P, Danh mục các dự án cần thu hồi đất tại Nghị Quyết 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đ, Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 của UBND tỉnh Đ duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Khu dân cư và tái định cư tại phường P thì Dự án trên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013.

Do đó, bà Nguyễn Thị O kháng cáo yêu cầu được bồi thường theo giá thị trường là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với quyết định cưỡng chế thu hồi đất

Sau khi Thanh tra Thành phố B có báo cáo số 15/BC-TTr về kết quả xác minh đơn khiếu nại UBND thành phố B tổ chức họp đối thoại với bà O.

Do ông Tuấn, bà O vẫn không chấp hành bàn giao đất để thực hiện dự án nên Chủ tịch UBND Thành phố B ban hành Quyết định số 2677/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 cưỡng chế thu hồi đất của hộ ông Tuấn, bà O, là đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai năm 2013.

[2.3] Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại

- Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành

Bà Nguyễn Thị O khiếu nại các Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 về việc thu hồi đất; Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 về bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 2677/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 với lý do: Dự án xây dựng khu dân cư và tái định cư tại xã P là dự án kinh doanh thương mại, không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất cũng như áp giá bồi thường mà phải do chủ đầu tư thỏa thuận với chủ sử dụng đất.

Sau khi có kết quả xác minh của cơ quan Thanh tra thành phố B và tiến hành đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 27, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại.

Bà O tiếp tục khiếu nại đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND nêu trên. Sau khi có kết quả xác minh của cơ quan Thanh tra thành phố B và tiến hành đối thoại, Chủ tịch tỉnh Đ ban hành Quyết định

giải quyết khiếu nại (lần 2) số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điều 33, 34, 36, 37, 38, 39, 40, 41 Luật khiếu nại.

- Về nội dung

Như đã phân tích ở trên, do các quyết định thu hồi, bồi thường được ban hành đúng quy định pháp luật; Dự án Khu dân cư và tái định cư tại phường P nêu trên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013, nên Chủ tịch UBND thành phố B và Chủ tịch tỉnh Đ ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại với nội dung bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị O yêu cầu được bồi thường theo giá thị trường là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị O; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nhưng được miễn án phí do bà O là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị O; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị O về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính gồm:

+ Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND TP. B về thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P

+ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 07/11/2017 của UBND TP. B về bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Khu dân cư và tái định cư tại xã P

+ Các Quyết định giải quyết khiếu nại số 699/QĐ-UBND và số 700/QĐ-UBND cùng ngày 06/3/2019 của Chủ tịch UBND TP. B

+ Quyết định giải quyết khiếu nại số 1930/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị O được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh